

Mẫu số: D25-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THÀNH PHỐ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 763/TB-THADS

Tp. Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc bán đấu giá tài sản (lần 07)

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020, 2022);

Căn cứ Bản án số 08/2022/KDTM-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 13/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 25/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 07/2020/KDTM-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 02/2022/KDTM-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 11/2023/KDTM-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 13/2023/KDTM-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Phán quyết số 36/20 HCM ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam lập tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 12/2020/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 29/2020/QĐ-CBSBA ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 91/2023/QĐ-SCBSBA ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;



Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 87/2023/QĐ-SCBSBA ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 137/QĐ-SCBSBA ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 18/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 1174/QĐ-CCTHADS ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 86/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 665/QĐ-CCTHADS ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục trưởng THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1808/QĐ-CCTHADS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2194/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 635/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 04/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1175/QĐ-CCTHADS ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 17/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản;

Căn cứ Thông báo số 1153/TB-THADS ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc cưỡng chế thi hành án;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án;

Căn cứ Thông báo số 1210/TB-THADS ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung thông báo về thi hành án;

Căn cứ Biên bản ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc kê biên, xử lý tài sản;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 150/2024/CT.VVAC ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định Giá Trị Việt;

Căn cứ Thông báo số 724/TB-THADS ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá;

Căn cứ Thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 725/TB-THADS ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ Đấu giá tài sản số 61/2024/HĐDVĐG ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa Chi cục THADS thành phố Cà Mau và Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-CCTHADS ngày 24/6/2025 của Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc giảm giá tài sản (lần 06);

Căn cứ Phụ lục 6 Hợp đồng Dịch vụ Đấu giá tài sản số 50/2025/HĐDVĐG ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa Chi cục THADS thành phố Cà Mau và Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Thông báo số 50/TB-ĐGTS ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau về việc đấu giá tài sản để thi hành án dân sự.

Chi cục THADS thành phố Cà Mau tổ chức bán đấu giá tài sản của ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc, Cùng địa chỉ theo Bản án: 62/2A, đường Phan Bội Châu, khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Cùng địa chỉ sinh sống: Số 87, đường Phan Bội Châu, khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Cùng địa chỉ thường xuyên sinh sống: Số 15.05, Block MP5, Chung cư Mizuki, đường số 1, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

I. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề bán đấu giá tài sản:

Tên: Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau;

Địa chỉ: Số 07, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Lầu 1 Sở Tư pháp).

MST: 2000269614;

Số tài khoản số: 125000129216 mở tại VietinBank – Chi nhánh Cà Mau;

Điện thoại liên hệ: (0290). 3831878.

II. Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

Chi tiết tài sản đấu giá như sau:

Bán cụm tài sản gồm:

1.1. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD520329 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích: 88,85m²; Thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 87; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng của bà Trịnh Ngọc Mai, ông Tạ Bửu Thương năm 2010; Được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 22/02/2011. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00076.

1.2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD485529 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 276,6 m²; Thuộc thửa đất số 10; Tờ bản đồ số 87; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở của ông Trịnh Học Lén và bà Lâm Thị Xinh vào năm 2010; Quyền sở hữu nhà ở tại 126A đường Nguyễn Trãi, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Diện tích xây dựng: 96,12m²; Kết cấu: Cột gỗ, vách tole; Cấp (hạng) IVC.06; Số tầng 1; Được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 30/01/2011. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00059.

1.3. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD485698 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 160m²; Thuộc thửa đất số 24; Tờ bản đồ số 87; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trịnh Ngọc Mai vào năm 2010; Được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 29/01/2011. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00056.

1.4. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK219878 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 600m²; Thuộc thửa đất số 87; Tờ bản đồ số 85; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lữ Trung Hòa và bà Ngô Thị Hồng Hạnh vào năm 2012; Được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 24/5/2012. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH000230.

1.5. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB520459 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 4.808,0 m²; Thuộc thửa đất số 76; Tờ bản đồ số 85; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị 1.470,65m², đất trồng cây lâu năm khác 3.337,35m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị lâu dài, đất trồng cây lâu năm khác

đến năm 2050; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng của ông Lê Tấn Hoàng năm 2010; Quyền sở hữu nhà ở tại 126 đường Nguyễn Trãi, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Diện tích xây dựng: 157,25m²; Diện tích sàn: 347,76m²; Kết cấu: Tường, BTCT; Cấp (hạng) IV-B; Số tầng 03; Năm hoàn thành xây dựng: 2003; Được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 29/9/2010. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00490.

1.6. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB467063 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 2.098,4m²; Thuộc thửa đất số 57; Tờ bản đồ số 85; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 125,5m², đất trồng cây lâu năm khác 1.972,9m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị lâu dài, đất trồng cây lâu năm khác đến năm 2058; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Đào Trang và ông Lê Thiên Đính vào năm 2010; Được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 08/06/2010. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00230.

1.7. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD799160 do ông Ngô Quốc Việt và bà Nguyễn Kim Ngọc đứng tên, tọa lạc tại phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 2.932,2m²; Thuộc thửa đất số 100; Tờ bản đồ số 85; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến năm 2058; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất; Được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 29/03/2016. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00249.

(Kèm theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 05/12/2023 và Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 08/12/2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong).

1.8. Công trình xây dựng:

Tài sản, công trình xây dựng xây trên các Quyền sử dụng đất số BD520329 thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 87; Quyền sử dụng đất số BD485529 thuộc thửa đất số 10; Tờ bản đồ số 87; Quyền sử dụng đất số BD485698 thuộc thửa đất số 24; Tờ bản đồ số 87; Quyền sử dụng đất số BK219878 thuộc thửa đất số 87; Tờ bản đồ số 85; Quyền sử dụng đất số BB520459 thuộc thửa đất số 76; Tờ bản đồ số 85; Quyền sử dụng đất số BB467063 thuộc thửa đất số 57; Tờ bản đồ số 85 và Quyền sử dụng đất số CD799160 thuộc thửa đất số 100; Tờ bản đồ số 85; như sau:

1.8.1. DÂY 1 TẦNG 1/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 1 là S=428,5 m², khung sườn BTCT, móng và đà BTCT có gia cố cừ tràm, tường xây gạch dày 20cm, nền lát gạch ceramic, trần thạch cao, nhà cao trung bình 2,9m.

+ Tam cấp 1: Diện tích S=5,3 m².

+ Sân 1: Diện tích S=25,5 m².

- + Phòng 1: Diện tích $S=73,8 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT: Diện tích $S=7,5 \text{ m}^2$.
- + Phòng 2: Diện tích $S=24 \text{ m}^2$.
- + Phòng 3: Diện tích $S=108,8 \text{ m}^2$.
- + WC 1: Diện tích $S=4,3 \text{ m}^2$.
- + Sân 2: Diện tích $S=40,2 \text{ m}^2$.
- + Phòng 4: Diện tích $S=12,8 \text{ m}^2$.
- + Nhà xe: Diện tích $S=117,9 \text{ m}^2$.

1.8.2. DÂY 1 TẦNG 2/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 2 là $S=112,8 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, tường xây gạch dày 20cm, sàn bê tông cốt thép, mặt sàn lát tấm ván ép vân gỗ, trần thạch cao, nhà cao trung bình 2,9m.

- + Ban công 1: Diện tích $S=6,5 \text{ m}^2$.
- + Phòng 5: Diện tích $S=40,8 \text{ m}^2$.
- + WC 2: Diện tích $S=7,2 \text{ m}^2$.
- + Phòng 6: Diện tích $S=25,3 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 1: Diện tích $S=3,5 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT: Diện tích $S=9 \text{ m}^2$.
- + Phòng 7: Diện tích $S=16,3 \text{ m}^2$.
- + WC 3: Diện tích $S=4,2 \text{ m}^2$.

1.8.3. DÂY 1 TẦNG 3/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 3 là $S=112,8 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, tường xây gạch dày 20cm, sàn bê tông cốt thép, mặt sàn lát tấm ván ép vân gỗ, trần thạch cao, mái ngói, vì kèo sắt hộp, nhà cao trung bình 2,9m.

- + Ban công 2: Diện tích $S=6,5 \text{ m}^2$.
- + Phòng 8: Diện tích $S=40,8 \text{ m}^2$.
- + WC 4: Diện tích $S=6,5 \text{ m}^2$.
- + WC 5: Diện tích $S=6,5 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 2: Diện tích $S=9,1 \text{ m}^2$.
- + Phòng 9: Diện tích $S=14,4 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT: Diện tích $S=9 \text{ m}^2$.
- + Phòng 10: Diện tích $S=16,3 \text{ m}^2$.
- + WC 6: Diện tích $S=4,2 \text{ m}^2$.

1.8.4. DÃY 2 TẦNG 1/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 1 là $S=120,7 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, móng và đà bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, tường xây gạch dày 20cm tô hai mặt, tường mặt ngoài dán gạch ceramic cao 3m, nền lát gạch ceramic, trần tôn lạnh, nhà cao trung bình 3m.

- + Phòng 1: Diện tích $S=32,9 \text{ m}^2$.
- + WC 1: Diện tích $S=4,8 \text{ m}^2$.
- + Phòng 2: Diện tích $S=21,2 \text{ m}^2$.
- + WC 2: Diện tích $S=4,3 \text{ m}^2$.
- + Phòng 3: Diện tích $S=21,2 \text{ m}^2$.
- + Phòng 4: Diện tích $S=21,2 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang sắt: Diện tích $S=7,7 \text{ m}^2$.
- + WC 3: Diện tích $S=7,4 \text{ m}^2$.

1.8.5. DÃY 2 TẦNG 2/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 2 là $S=165,7 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, tường xây gạch dày 20cm tô hai mặt, sàn bê tông cốt thép lát gạch ceramic, trần thạch cao đã hư hỏng, nhà cao trung bình 3m.

- + Cầu thang BTCT 1: Diện tích $S=12,2 \text{ m}^2$.
- + Sảnh đón 1: Diện tích $S=36,1 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT 2: Diện tích $S=3,5 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 1: Diện tích $S=15,5 \text{ m}^2$.
- + WC 4: Diện tích $S=5,6 \text{ m}^2$.
- + Phòng 5: Diện tích $S=15,9 \text{ m}^2$.
- + Phòng 6: Diện tích $S=16,3 \text{ m}^2$.
- + Phòng 7: Diện tích $S=16,3 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang sắt: Diện tích $S=4,8 \text{ m}^2$.
- + WC 5: Diện tích $S=7,4 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 2: Diện tích $S=19,5 \text{ m}^2$.
- + Giếng trời: Diện tích $S=12,6 \text{ m}^2$.

1.8.6. DÃY 2 TẦNG 3/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 3 là $S=153,5 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, tường xây gạch dày 20cm tô hai mặt, sàn bê tông cốt thép lát gạch ceramic, trần thạch cao đã hư hỏng, mái xi măng giả ngói, vì kèo sắt kết hợp gỗ, nhà cao trung bình 3m.

- + Sảnh đón 2: Diện tích $S=58,9 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT 2: Diện tích $S=6,6 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 3: Diện tích $S=14,9 \text{ m}^2$.
- + Phòng 8: Diện tích $S=28,8 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang sắt: Diện tích $S=4,8 \text{ m}^2$.
- + WC 6: Diện tích $S=3,1 \text{ m}^2$.
- + WC 7: Diện tích $S=4,3 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 4: Diện tích $S=19,5 \text{ m}^2$.
- + Giếng trời: Diện tích $S=12,6 \text{ m}^2$.

1.8.7. DÂY 3 TẦNG 1/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 1 là $S=300,5 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, móng và đà bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, tường xây gạch dày 20cm tô hai mặt, vách tường dán gạch ceramic xung quanh cao đến trần, nền lát gạch ceramic, trần bê tông cốt thép, nhà cao trung bình 4m.

- + Tam cấp 1: Diện tích $S= 3,8 \text{ m}^2$.
- + Đại sảnh: Diện tích $S= 257,2 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT: Diện tích $S=18 \text{ m}^2$.
- + Tam cấp 2: Diện tích $S=2,3 \text{ m}^2$.
- + Mái ngói: Diện tích $S=19,2 \text{ m}^2$.

1.8.8. DÂY 3 TẦNG 2/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 2 là $S=297,6 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, tường xây gạch dày 20cm và 10cm tô hai mặt kết hợp vách tôn xi măng, sàn bê tông cốt thép lát gạch ceramic, trần bê tông cốt thép, nhà cao trung bình 3,9m.

- + Mái ngói: Diện tích $S=6 \text{ m}^2$.
- + Ban công: Diện tích $S=10,7 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT: Diện tích $S=18 \text{ m}^2$.
- + Phòng 1: Diện tích $S=24,6 \text{ m}^2$.
- + Phòng 2: Diện tích $S=37,7 \text{ m}^2$.
- + Phòng 3: Diện tích $S=36,9 \text{ m}^2$.
- + Phòng 4: Diện tích $S=15,6 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 1: Diện tích $S=65,7 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 2: Diện tích $S=9,8 \text{ m}^2$.
- + Giếng trời: Diện tích $S=7 \text{ m}^2$.

- + Phòng 5: Diện tích $S=16,8 \text{ m}^2$.
- + Phòng 6: Diện tích $S=16 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 3: Diện tích $S=6,1 \text{ m}^2$.
- + Hồ thang máy tải thực phẩm: Diện tích $S=4,6 \text{ m}^2$.
- + WC Nam: Diện tích $S=12,1 \text{ m}^2$.
- + WC Nữ: Diện tích $S=10 \text{ m}^2$.

1.8.9. DÃY 3 TẦNG 3/3

Nhà xây dựng trên 20 năm, được sửa chữa cải tạo lại vào năm 2016, có tổng diện tích nhà tầng 3 là $S=297,6 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, tường xây gạch dày 20cm và 10cm tô hai mặt kết hợp vách tôn xi măng, sàn bê tông cốt thép lát gạch ceramic, trần bê tông cốt thép kết hợp trần thạch cao và la phong, mái xi măng giả ngói, vì kèo sắt, xà gỗ gỗ, nhà cao trung bình 3,4m.

- + Mái ngói: Diện tích $S=6 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 4: Diện tích $S=73,5 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 5: Diện tích $S=100,1 \text{ m}^2$.
- + Cầu thang BTCT: Diện tích $S=18 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 6: Diện tích $S=5,7 \text{ m}^2$.
- + Giếng trời: Diện tích $S=11,1 \text{ m}^2$.
- + Phòng 7: Diện tích $S=17,6 \text{ m}^2$.
- + Phòng 8: Diện tích $S=16,8 \text{ m}^2$.
- + Mái che: Diện tích $S=13,9 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 7: Diện tích $S=13,1 \text{ m}^2$.
- + Hồ thang máy tải thực phẩm: Diện tích $S=4,6 \text{ m}^2$.
- + WC Nam: Diện tích $S=12,1 \text{ m}^2$.
- + WC Nữ: Diện tích $S=5,1 \text{ m}^2$.

1.8.10. CỤM NHÀ PHÍA SAU DÃY 2

Nhà có tổng diện tích nhà là $S=178,4 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, móng và đà bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, tường xây gạch dày 20cm và 10cm tô hai mặt, nền lát gạch ceramic, trần la phong khổ vuông kết hợp trần thạch cao, mái ngói, vì kèo sắt, nhà cao trung bình 2,75m.

- + Phòng 1: Diện tích $S=43,2 \text{ m}^2$.
- + WC 1: Diện tích $S=4,6 \text{ m}^2$.
- + WC 2: Diện tích $S=7,8 \text{ m}^2$.
- + Phòng 2: Diện tích $S=22,9 \text{ m}^2$.
- + WC 3: Diện tích $S=7,4 \text{ m}^2$.

- + Phòng 3: Diện tích $S=22,3 \text{ m}^2$.
- + Nhà gỗ xưa: Diện tích $S=50,4 \text{ m}^2$.
- + Hành lang: Diện tích $S=7,8 \text{ m}^2$.
- + Mái che: Diện tích $S=12 \text{ m}^2$.

1.8.11. NHÀ KÍNH VÀ WC

Nhà có tổng diện tích nhà là $S=143,2 \text{ m}^2$, khung sườn gỗ kết hợp BTCT, móng và đà bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, vách tường xây gạch dày 20cm và 10cm tô hai mặt kết hợp vách nhôm kính, nền lát gạch ceramic, trần la phong khô vuông kết hợp trần thạch cao, mái ngói kết hợp mái tôn sóng vuông, khung kèo gỗ, nhà cao trung bình 3,1m.

- + Nhà kính: Diện tích $S=115,7 \text{ m}^2$.
- + Hành lang: Diện tích $S=9 \text{ m}^2$.
- + WC Nữ: Diện tích $S=6,6 \text{ m}^2$.
- + WC Nam: Diện tích $S=11,9 \text{ m}^2$.

1.8.12. PHÒNG KARAOKE VÀ DÂY NHÀ NGHỈ NHÂN VIÊN

Nhà có tổng diện tích nhà là $S=194,3 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT, móng và đà bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, tường xây gạch dày 20cm và 10cm tô hai mặt, nền lát tấm ván ép vân gỗ kết hợp nền gạch tàu và nền xi măng, trần thạch cao, mái tôn sóng vuông, xà gỗ gỗ, nhà cao trung bình 3m.

- + Phòng karaoke 1: Diện tích $S=43,2 \text{ m}^2$.
- + WC 1: Diện tích $S=3,1 \text{ m}^2$.
- + Phòng karaoke 2: Diện tích $S=31,1 \text{ m}^2$.
- + WC 2: Diện tích $S=3 \text{ m}^2$.
- + Mái che 1: Diện tích $S=30,4 \text{ m}^2$.
- + Mái che 2: Diện tích $S=15,3 \text{ m}^2$.
- + Sân xi măng: Diện tích $S=39,9 \text{ m}^2$.
- + Phòng nghỉ nhân viên 1: Diện tích $S=12 \text{ m}^2$.
- + Phòng nghỉ nhân viên 2: Diện tích $S=12,3 \text{ m}^2$.
- + WC 3: Diện tích $S=2,3 \text{ m}^2$.
- + WC 4: Diện tích $S=2,3 \text{ m}^2$.

1.8.13. KHU NHÀ BẾP

Nhà có tổng diện tích nhà là $S=396,6 \text{ m}^2$, khung sườn BTCT kết hợp sắt tiền chế, móng và đà bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, tường xây gạch dày 10cm tô hai mặt, nền lát gạch ceramic kết hợp nền xi măng, mái tôn sóng vuông kết hợp mái ngói, xà gỗ sắt, nhà cao trung bình 3,7m.

- + Mái che: Diện tích $S=67,3 \text{ m}^2$.

- + Giếng trời: Diện tích $S=12,9 \text{ m}^2$.
- + Bêp chính: Diện tích $S=87 \text{ m}^2$.
- + Bêp phụ: Diện tích $S=50,4 \text{ m}^2$.
- + Kho 1: Diện tích $S=6,1 \text{ m}^2$.
- + Kho 2: Diện tích $S=25,5 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 1: Diện tích $S=12,7 \text{ m}^2$.
- + Quầy lễ tân: Diện tích $S=20 \text{ m}^2$.
- + Hành lang 2: Diện tích $S=17,2 \text{ m}^2$.
- + WC Nữ: Diện tích $S=6,8 \text{ m}^2$.
- + WC Nam: Diện tích $S=9,2 \text{ m}^2$.
- + Kho 3: Diện tích $S=81,5 \text{ m}^2$.

1.8.14. QUẦY BAR VÀ NHÀ XE

Nhà có tổng diện tích nhà là $S=208 \text{ m}^2$, khung cột gỗ kết hợp cột xây gạch thẻ, vì kèo gỗ kết hợp sắt, xà gồ gỗ kết hợp sắt, mái ngói, nền gạch tàu, vách tường xây gạch dày 20cm và 10cm không tô kết hợp vách kính cường lực, trần la phong, cao trung bình 3m;

- + Quầy bar: Diện tích $S=124,7 \text{ m}^2$.
- + Nhà xe: Diện tích $S=67,3 \text{ m}^2$.
- + Mái che: Diện tích $S=16 \text{ m}^2$.
- + Hồ nước: Diện tích $S=2,1 \text{ m}^2$.

1.8.15. NHÀ BẢO VỆ VÀ CHUÔNG GÀ

Nhà có tổng diện tích nhà là $S=152,5 \text{ m}^2$, khung sườn bê tông cốt thép, móng và đà bê tông cốt thép, vách tường lửng xây gạch không tô cao 1,95m kết hợp vách tôn sóng vuông phía trên, nền gạch tàu, xà gồ sắt, mái tôn sóng vuông, cao trung bình 3,8m;

- + Mái che: Diện tích $S=13,7 \text{ m}^2$.
- + Nhà bảo vệ: Diện tích $S=26,5 \text{ m}^2$.
- + Kho 1: Diện tích $S=27,6 \text{ m}^2$.
- + Kho 2: Diện tích $S=26,5 \text{ m}^2$.
- + Kho 3: Diện tích $S=27,6 \text{ m}^2$.
- + WC 1: Diện tích $S=2 \text{ m}^2$.
- + WC 2: Diện tích $S=2 \text{ m}^2$.
- + WC 3: Diện tích $S=2 \text{ m}^2$.
- + WC 4: Diện tích $S=2 \text{ m}^2$.
- + Chuông gà 1: Diện tích $S=10,9 \text{ m}^2$.

+ Chuồng gà 2: Diện tích $S=11,7 \text{ m}^2$.

1.8.16. CÔNG THOÁT NƯỚC, HÀNG RÀO, SÂN BÃI

+ Hàng rào 1: Chiều dài $L=35,3 \text{ m}$, khung cột bê tông cốt thép, đà bê tông cốt thép, tường lửng xây gạch dày 10cm kết hợp khung sắt phía trên cao 1,9m, có 02 bộ công rào sắt mở hai cánh rộng 4,2m x cao 2,9m;

+ Hàng rào 2: Chiều dài $L=25 \text{ m}$, khung cột bê tông cốt thép, đà bê tông cốt thép, tường lửng xây gạch dày 10cm kết hợp khung sắt phía trên cao 1,9m, phía trên đầu hàng rào có lợp mái ngói;

+ Hàng rào 3: Chiều dài $L=30,9 \text{ m}$, khung cột bê tông cốt thép, đà bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm cao 1,9m vách tường ốp đá cuội lấp khung cột gỗ trang trí, có công rào khung cột bê tông, mái ngói, vì kèo gỗ, xà gồ gỗ, nền xi măng, có 01 bộ cửa kéo sắt không lá mở về hai phía rộng 7,4m x cao 2,8m;

+ Hàng rào 4: Chiều dài $L=422,4 \text{ m}$, khung cột bê tông cốt thép, đà bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm cao 3m;

+ Công thoát nước: Chiều dài $L=422,4 \text{ m}$, rộng 0,8m, nằm cặp phía trong hàng rào 4, dầy nắp đan;

+ Ao cá: Diện tích $S=11,6 \text{ m}^2$, xây gạch;

+ Nền gạch tự chèn: Diện tích $S=259,4 \text{ m}^2$;

+ Nền gạch ceramic: Diện tích $S=482,9 \text{ m}^2$;

+ Nền xi măng: Diện tích $S=770,5 \text{ m}^2$;

+ Nền gạch tàu: Diện tích $S=94,4 \text{ m}^2$.

(Kèm theo hồ sơ đo vẽ hiện trạng nhà và vật kiến trúc ngày 08/12/2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong).

III. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

1. Thời gian xem tài sản đấu giá, giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và tài liệu liên quan là 03 ngày làm việc, trong giờ hành chính: Ngày 02/7/2025; 03/7/2025; 04/7/2025.

2. Địa điểm: Tại nơi có tài sản thuộc Khu vực khóm 2, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

IV. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

1. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ ngày niêm yết thông báo đến 17 giờ 00 phút, ngày 28/7/2025 (trong giờ hành chính).

2. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày niêm yết thông báo đến 17 giờ 00 phút, ngày 28/7/2025 (trong giờ hành chính).

3. Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau, địa chỉ: Số 07, đường

Huyện Trần Công Chúa, xóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Lầu 1 Sở Tư pháp).

V. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá, Bước giá:

STT	Tên tài sản	Giá khởi điểm (VNĐ)
I	Thửa đất số 76+57+87+100 tờ bản đồ số 85 và thửa đất số 10+9+24 tờ bản đồ số 87, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	203.040.696.984
1	Giá trị QSDĐ	195.592.020.228
2	Giá trị CTXD	7.448.676.756
<i>(Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba tỷ, không trăm bốn mươi triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi bốn đồng)</i>		

Giá khởi điểm của tài sản chưa bao gồm các loại thuế, phí và chi phí (nếu có) liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản đấu giá.

Bước giá: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

VI. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước:

1. Tiền mua hồ sơ: 1.000.000 đồng/hồ sơ (đã bao gồm VAT).

Nộp trực tiếp cho Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau khi mua hồ sơ.

2. Tiền đặt trước: Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước là 5% giá khởi điểm của tài sản đấu giá. Số tiền phải nộp là 10.152.035.000 đồng.

3. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước: Từ ngày niêm yết thông báo đến 17 giờ 00 phút, ngày 28/7/2025 (trong giờ hành chính).

Tiền đặt trước được gửi vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau số 125000129216 mở tại VietinBank – Chi nhánh Cà Mau, tên chủ tài khoản: Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau.

Lưu ý: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước thông qua hình thức chuyển khoản thì khoản tiền đặt trước hợp lệ phải được “PHÁT SINH CÓ” trong tài khoản Ngân hàng của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau đã cung cấp cho khách hàng đến 17h00 ngày 28/7/2025. Phí chuyển khoản tiền đặt trước (nếu có) do Người đăng ký tham gia đấu giá chịu.

VII. Thời hạn, phương thức thanh toán tiền mua tài sản:

1. Thời hạn: Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. Trường hợp người mua

được tài sản đấu giá không nộp hoặc nộp không đủ tiền mua tài sản trong thời hạn quy định thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau căn cứ quy định của pháp luật hủy bỏ giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc yêu cầu Tòa án hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức: Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản số tài khoản: 3949.0.9045851.00000; Mã quan hệ ngân sách: 9045851; mở tại Phòng giao dịch số 10 thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực 20; Chủ tài khoản: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

VIII. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

1. Thời gian: Từ ngày niêm yết thông báo đến 17 giờ 00 phút, ngày 28/7/2025 (trong giờ hành chính).

2. Địa điểm: Tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau, địa chỉ: Số 07, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Lầu 1 Sở Tư pháp).

3. Điều kiện cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024.

4. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá nộp hồ sơ trong thời gian quy định trực tiếp Tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau, địa chỉ: Số 07, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Lầu 1 Sở Tư pháp).

Lưu ý:

Tài sản được bán và giao theo hiện trạng thực tế (Kèm theo hồ sơ đo vẽ hiện trạng nhà và vật kiến trúc ngày 08/12/2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong). (Kèm theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 05/12/2023 và Mảnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 08/12/2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong).

Người tham gia đấu giá có trách nhiệm tự xác minh về tình trạng tài sản, hiện trạng thực tế, hồ sơ pháp lý, thông tin quy hoạch, chất lượng của tài sản trước khi đăng ký tham gia đấu giá và tự chịu trách nhiệm về mặt pháp lý khi tham gia đấu giá.

Trường hợp các thửa đất trên nằm trong khu hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau phê duyệt để thực hiện dự án thì Người tham gia đấu giá phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép để thực hiện dự án thì mới được đăng ký tham gia đấu giá.

Đối với một phần đất nằm trong khu hoạch lộ giới và phần đất bị thu hồi để thực hiện dự án công cộng thì Người mua được tài sản bán đấu giá phải chấp nhận bị thu hồi đất và được chi trả tiền bồi hoàn theo quy định chung.

Đối với diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Người mua được tài sản bán đấu giá có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm

quyền để xin hợp thức hóa quyền sở hữu, quyền sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng nếu được cho phép và chịu mọi chi phí phát sinh.

IX. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

1. Thời gian: Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 31/7/2025.
2. Địa điểm: Tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 07, đường Huyện Trần Công Chứa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Lầu 1 Sở Tư pháp). Điện thoại liên hệ: (0290). 3831878.

X. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói;
2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên;

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua đấu giá tài sản xin liên hệ và nộp hồ sơ tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 07, đường Huyện Trần Công Chứa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Lầu 1 Sở Tư pháp).

Trước khi mở cuộc đấu giá một ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ số tiền phải thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, định giá, tổ chức bán đấu giá đồng thời có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công TTĐT Tổng cục THADS;
- Công TTĐT QG về Đấu giá TS;
- Trang TTĐT CTHADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường 9;
- VKSND TP Cà Mau;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Hứa Văn Út



